

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1120/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 29 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Trị,
tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 11 tháng 8 năm 2010 về việc quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (Báo cáo số 19/SXD-QHXD ngày 16 tháng 5 năm 2012); UBND thị xã Quảng Trị (Tờ trình số 276/UBND-TTr ngày 2 tháng 5 năm 2012) và hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Phạm vi ranh giới quy hoạch

Thị xã Quảng Trị nằm ở phía Đông Nam tỉnh Quảng Trị, có vị trí giới hạn:

- Phía Đông giáp xã Hải Quy và xã Hải Phú huyện Hải Lăng;
- Phía Nam giáp xã Hải Lâm huyện Hải Lăng và huyện Đakrông;
- Phía Bắc giáp xã Triệu Thành huyện Triệu Phong;

- Phía Tây giáp xã Triệu Thượng huyện Triệu Phong.

Diện tích nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: 7.291,60 ha.

3. Tính chất: Đô thị thuộc tỉnh, là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật phía Nam tỉnh Quảng Trị.

4. Quy mô dân số

- Năm 2015: Dân số toàn thị xã dự kiến là 27.930 người;

- Năm 2020: Dân số toàn thị xã dự kiến là 32.775 người;

- Năm 2030: Dân số toàn thị xã dự kiến là 36.200 người.

5. Quy mô đất đai

Diện tích đất tự nhiên của thị xã là 7.291,60 ha được quy hoạch phân bổ:

| TT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|----|-----------------------------------|----------------|-----------|
| 1 | Đất ở | 725,42 | 9,95 |
| | Đất ở đô thị | 218,80 | |
| | Đất làng xóm đô thị hóa | 53,61 | |
| | Đất ở tại nông thôn | 262,92 | |
| | Đất ở dự trữ phát triển | 190,09 | |
| 2 | Đất dịch vụ đô thị | 65,22 | 0,89 |
| | Đất xây dựng công trình công cộng | 31,15 | |
| | Đất giáo dục đào tạo | 11,94 | |
| | Đất công trình y tế | 4,42 | |
| | Đất trụ sở cơ quan | 16,76 | |
| | Đất cơ sở thể dục thể thao | 0,95 | |
| 3 | Đất cây xanh, công viên, mặt nước | 731,10 | 10,03 |
| | Đất cây xanh công viên TDTT | 45,30 | |
| | Đất cây xanh cách ly | 46,50 | |
| | Đất lâm viên | 20,36 | |
| | Mặt nước | 618,94 | |
| 4 | Đất nông nghiệp | 5.028,60 | 68,96 |
| 5 | Đất công nghiệp | 47,76 | 0,66 |
| 6 | Đất tôn giáo, di tích, tín ngưỡng | 18,87 | 0,26 |
| 7 | Đất quốc phòng | 44,20 | 0,61 |

| | | | |
|----|-------------------------------|--------|------|
| 8 | Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 39,58 | 0,54 |
| 9 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | 10,11 | 0,14 |
| 10 | Đất giao thông | 274,94 | 3,77 |
| 11 | Đất chưa sử dụng | 305,80 | 4,19 |

6. Định hướng phát triển không gian đô thị

6.1. Hướng phát triển không gian

Lấy đô thị hiện có làm hạt nhân phát triển về các hướng như sau:

- Phát triển khu vực đô thị phường An Đôn bao gồm Khu đô thị Bắc Thành Cổ và trục đường từ cầu Quảng Trị đi Thượng Phước;
- Phát triển xây dựng đô thị khu vực phía Bắc xã Hải Lệ (thôn Tích Tường);
- Quy hoạch xây dựng các khu đô thị tại các phường 1, 2 và 3;
- Hai bờ sông Thạch Hãn là trục không gian xanh, kiến trúc cảnh quan;
- Hướng Nam phát triển xã Hải Lệ theo các tiêu chí đô thị loại III sau năm 2015.

6.2. Phân khu chức năng

- Các đơn vị ở được phát triển trên cơ sở chỉnh trang, mở rộng các khu dân cư hiện có:

Khu I: nằm về phía Bắc đường Quang Trung thuộc phường 2.

Khu II: nằm về phía Nam đường Quang Trung và phía Bắc đường Quốc lộ 1A (đoạn đi qua thị xã và được xác định hướng theo bản đồ) thuộc phường 1 và phường 3.

Khu III: nằm về phía Nam đường Quốc lộ 1A (đoạn đi qua thị xã và được xác định hướng theo bản đồ) thuộc phường 1 và phần mở rộng lên xã Hải Lệ.

Khu IV: nằm về phía Đông kênh Thạch Hãn thuộc phường 2 và phường 3.

Khu V: là khu đô thị mới của thị xã thuộc phường An Đôn.

Ngoại thị: phát triển các khu ở tại trung tâm xã Hải Lệ; các thôn Như Lệ, Phước Môn, Tân Lệ và Tân Mỹ.

- Khu trung tâm hành chính của thị xã giữ nguyên vị trí như hiện nay. Chỉnh trang, hoàn thiện các trung tâm công cộng, thương mại và dịch vụ, văn hóa, giáo dục, y tế, cây xanh, thể dục thể thao;

- Công nghiệp và kho tàng: xây dựng mới Cụm Công nghiệp tại xã Hải Lệ. Di dời những cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng dân sinh ra khỏi khu

dân cư. Xây dựng hệ thống kho tàng mới gắn liền với ga và bố trí cạnh Cụm Công nghiệp Cầu Lòn.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

* Giao thông đối ngoại:

- Đường sắt: Chỉnh trang lại ga hiện tại. Xây dựng hệ thống đường gom dọc hai bên đường sắt đảm bảo hành lang an toàn đường sắt;

- Đường thủy: Nạo vét lòng sông Thạch Hãn. Xây dựng mới một bến thuyền gần cầu mới tại khu vực Bến Vượt.

- Đường bộ:

+ Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã mặt cắt ngang 37,0 m;

+ Tuyến vành đai phía Tây Nam thị xã nối với trục trung tâm thành phố Đông Hà (đường Hùng Vương nối dài), mặt cắt ngang 37,0 m;

+ Xây dựng mới bến xe liên tỉnh nằm cạnh Quốc lộ 1A thuộc phường An Đôn và bến xe tại xã Hải Lệ.

* Giao thông nội thị:

- Cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường trong đô thị trên nguyên tắc tôn trọng các tuyến hiện có, kết hợp mở rộng chỉnh trang phát triển theo Quy hoạch xây dựng;

- Xây dựng mới cầu nối từ trục đường Phan Đình Phùng sang Khu đô thị Bắc Thành Cổ, đường mặt cắt ngang 22,5 m;

- Xây dựng các tuyến đường dọc hai bờ sông Thạch Hãn: đường Nguyễn Hoàng và đường An Đôn - Thượng Phước, mặt cắt ngang 20,5m;

- Bố trí các bãi đỗ xe tập trung tại các khu trung tâm công cộng, khu cây xanh thể dục thể thao, các điểm trung tâm của khu dân cư.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: Tôn trọng địa hình tự nhiên, san cục bộ cho từng khu vực xây dựng công trình.

Cao độ nền khống chế:

+ Khu dân dụng: Cao độ nền $\geq + 5,8$ m;

+ Khu công nghiệp: Cao độ nền $\geq + 6,0$ m.

Độ dốc nền và đường như sau:

+ Độ dốc nền nhỏ nhất: $I_{\min} \geq 0,004$;

+ Độ dốc đường lớn nhất: $I_{\max} < 0,006$.

- Thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống thoát nước mặt riêng, phân chia lưu vực theo dạng phân tán thoát ra sông Thạch Hãn và các lưu vực.

7.3. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu cấp nước: $8.100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Nguồn nước: dự kiến nguồn nước cấp cho thị xã Quảng Trị như sau:

+ Đợt đầu đến năm 2020: Nước mặt từ hồ Đập Trám, công suất $13.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

+ Định hướng đến năm 2030: Sử dụng nguồn nước chung theo dự án cấp nước khu vực phía Nam tỉnh Quảng Trị.

7.4. Quy hoạch cấp điện

- Nhu cầu cấp điện: 22.140 KW ;

- Nguồn điện: mở rộng công suất của các trạm 110 KV Đông Hà và Diên Sanh, xây dựng mới trạm 110/22 KV công suất $1 \times 16 \text{ MVA}$ Quảng Trị, đặt gần Cụm Công nghiệp xã Hải Lệ.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Mạng lưới thoát nước chia làm các lưu vực:

Phía Đông sông Thạch Hãn:

+ Lưu vực 1: Phạm vi là khu vực phía Bắc đường sắt, thu gom về trạm xử lý nước thải công suất $5000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đặt ở phía Bắc thị xã;

+ Lưu vực 2: Phạm vi là khu vực phía Nam đường sắt và khu vực phía Bắc xã Hải Lệ, thu gom về khu xử lý ven sông Thạch Hãn công suất $1200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Phía Tây sông Thạch Hãn:

+ Lưu vực 3: Phạm vi là khu vực dự kiến quy hoạch khu kinh tế Bắc Thành Cỏ, thu gom về trạm xử lý nước thải ở phía Bắc khu vực;

+ Lưu vực 4: Phạm vi là khu vực phía Nam đường sắt, thu gom về trạm bơm công suất 415 m³/ngày đêm và hồ sinh học xử lý nước thải có công suất 415 m³/ngày đêm.

Cụm công nghiệp quy hoạch hệ thống thoát nước riêng, thu gom về trạm xử lý nước thải nằm trong cụm công nghiệp.

- Chất thải rắn: Quy hoạch xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn mới tại xã Hải Lệ phục vụ cho thị xã và khu vực xung quanh;

- Nghĩa trang: Quy hoạch và xây dựng nghĩa trang tập trung mới tại xã Hải Lệ.

7.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Bố trí các trung tâm, dịch vụ bưu điện, các đường dây, đường ống theo hệ thống hạ tầng kỹ thuật của thị xã và của vùng.

Điều 2. UBND thị xã Quảng Trị phối hợp với Sở Xây dựng, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội tổ chức công bố đồ án quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, nhân dân trên địa bàn biết để thực hiện tham gia quản lý và xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị xã Quảng Trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường